

(Đề thi gồm có 4 trang)

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:.....Phòng thi:.....SBD:

Mã đề thi
101**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (14,0 điểm).**

- Câu 1.** Biểu hiện nào sau đây là kết quả của vận động nội lực theo phương thẳng đứng?
A. Núi uốn nếp. **B.** Lục địa nâng. **C.** Các địa lũy. **D.** Các địa hào.
- Câu 2.** Địa lũy thường được sinh ra trong điều kiện các lớp đá
A. trời lên. **B.** uốn nếp. **C.** xô lệch. **D.** sụt xuống.
- Câu 3.** Nơi nào sau đây có nhiều mưa?
A. Khu khí áp thấp. **B.** Miền có gió Mậu dịch.
C. Miền có gió Đông cực. **D.** Khu khí áp cao.
- Câu 4.** Mỗi múi giờ rộng
A. 18 độ kinh tuyến. **B.** 15 độ kinh tuyến. **C.** 11 độ kinh tuyến. **D.** 13 độ kinh tuyến.
- Câu 5.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?
A. Ôn đới, cực. **B.** Cực, chí tuyến.
C. Xích đạo, chí tuyến. **D.** Chí tuyến, ôn đới.
- Câu 6.** Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí
A. xích đạo và chí tuyến. **B.** ôn đới và cực.
C. chí tuyến và ôn đới. **D.** cực và xích đạo.
- Câu 7.** Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao
A. chí tuyến về áp thấp ôn đới. **B.** cực về áp thấp ôn đới.
C. cực về áp thấp xích đạo. **D.** chí tuyến về áp thấp xích đạo.
- Câu 8.** ở vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo **không** có đặc điểm nào dưới đây?
A. Xảy ra các loại hoạt động kiến tạo.
B. Có những sông núi ngầm ở đại dương.
C. Có nhiều hoạt động núi lửa, động đất.
D. Là những vùng ổn định của vỏ Trái Đất.
- Câu 9.** Ở Bắc bán cầu, gió Mậu dịch thổi quanh năm theo hướng
A. đông nam. **B.** tây bắc. **C.** đông bắc. **D.** tây nam.
- Câu 10.** Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất?
A. Sự luân phiên ngày đêm trên Trái Đất.
B. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.
C. Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.
D. Chuyển động các vật thể bị lệch hướng.
- Câu 11.** Từ xích đạo về cực có
A. nhiệt độ hạ thấp, biên độ nhiệt độ trung bình năm giảm.
B. biên độ nhiệt độ năm tăng, nhiệt độ trung bình năm tăng.
C. nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm tăng.
D. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời tăng, nhiệt độ hạ thấp.
- Câu 12.** Nguồn nước ngầm **không** phụ thuộc vào
A. sự thấm nước của đất đá. **B.** khối lượng lớn nước biển.
C. đặc điểm bề mặt địa hình. **D.** nguồn cung cấp nước mặt.
- Câu 13.** Nước băng tuyết ở thể nào sau đây?
A. Hơi. **B.** Rắn. **C.** Lỏng. **D.** Khí.
- Câu 14.** Độ muối trung bình của nước biển là
A. 34 ‰. **B.** 33 ‰. **C.** 36 ‰. **D.** 35 ‰.
- Câu 15.** Các nhân tố làm cho vùng xích đạo có mưa rất nhiều là
A. dải hội tụ nhiệt đới, frông nóng, gió Mậu dịch.
B. dải hội tụ nhiệt đới, các núi cao, gió Mậu dịch.
C. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển nóng.
D. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển lạnh.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lớp vỏ Trái Đất?

- A. Trên cùng là đá ba dan, dưới cùng là đá trầm tích.
- B. Giới hạn vỏ Trái Đất không trùng với thạch quyển.
- C. Dày không đều, cấu tạo bởi các tầng đá khác nhau.
- D. Vỏ cứng, mỏng, độ dày ở đại dương khoảng 5 km.

Câu 17. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

- A. Địa hình.
- B. Đá mẹ.
- C. Sinh vật.
- D. Khí hậu.

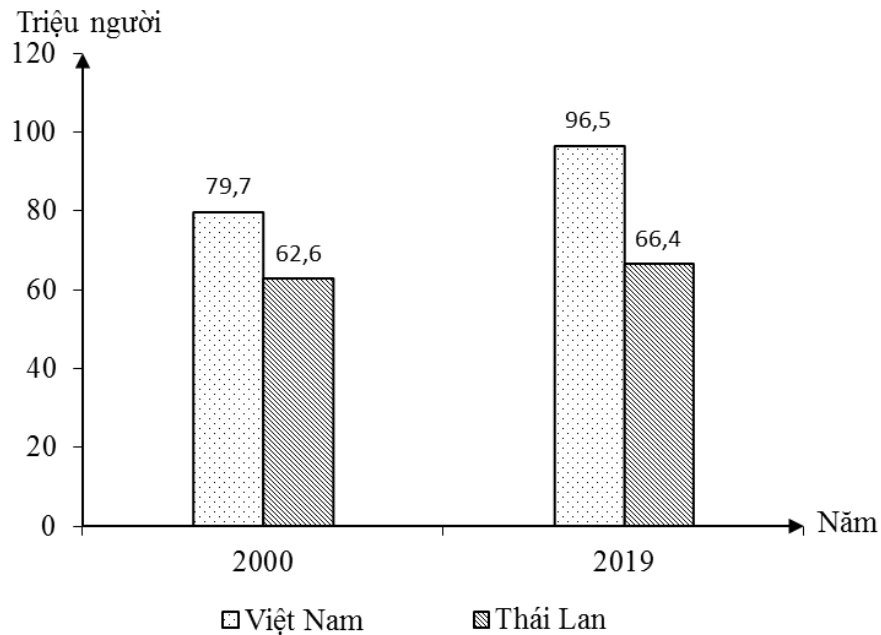
Câu 18. Cường độ phong hoá xảy ra mạnh nhất ở

- A. bề mặt Trái Đất.
- B. ở thềm lục địa.
- C. lớp Man-ti trên.
- D. tầng khí đối lưu.

Câu 19. Càng xuống sâu, nhiệt độ nước biển càng

- A. tăng.
- B. cao.
- C. không thay đổi.
- D. thấp.

Câu 20. Cho biểu đồ:



SỐ DÂN CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN NĂM 2000 VÀ 2019

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về sự thay đổi số dân năm 2019 so với 2000 của Việt Nam và Thái Lan?

- A. Việt Nam tăng gấp đôi Thái Lan.
- B. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.
- C. Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.
- D. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.

Câu 21. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2019

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2015	2019
Giá trị					
Xuất khẩu	14,5	32,4	72,2	162,0	264,2
Nhập khẩu	15,6	36,8	84,8	165,8	253,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Đường.
- C. Kết hợp.
- D. Miền.

Câu 22. Cho bảng số liệu:

BIẾN TRÌNH NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN ĐẠI DƯƠNG VÀ LỤC ĐỊA (°C)

Biến trình đại dương, đảo Hêbrit (57°32' B)			Biến trình lục địa, Kirren (57°47' B)		
Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ nhiệt	Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ nhiệt
III (5°C)	VIII (12,8°C)	7,8°C	I (-27,3°C)	VII (18,6°C)	45,9°C

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa?

- A. Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất ở đại dương lớn hơn lục địa.
- B. Đại dương có nhiệt độ tháng lạnh nhất cao hơn lục địa.
- C. Đại dương có nhiệt độ tháng nóng nhất cao hơn lục địa.
- D. Đại dương có biên độ nhiệt độ năm cao hơn lục địa.

Câu 23. Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

- A. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.
- B. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.
- C. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.
- D. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

Câu 24. Biểu hiện nào sau đây **không** phải là do tác động của nội lực?

- A. Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.
- B. Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột.
- C. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống.
- D. Các lớp đất đá bị uốn nếp hoặc đứt gãy.

Câu 25. Dao động thủy triều trong tháng lớn nhất vào ngày

- A. không trăng và có trăng.
- B. trăng tròn và không trăng.
- C. trăng khuyết và không trăng.
- D. trăng khuyết và trăng tròn.

Câu 26. Giải pháp nào sau đây được xem là quan trọng hàng đầu trong bảo vệ nguồn nước ngọt trên Trái Đất?

- A. Giữ sạch nguồn nước.
- B. sử dụng nước tiết kiệm.
- C. xử phạt, khen thưởng.
- D. Nâng cao sự nhận thức.

Câu 27. Hà Nội vào mùa hạ có ngày dài hơn ngày ở TP. Hồ Chí Minh, **không** phải do

- A. ở vĩ độ cao hơn.
- B. gần chí tuyến hơn.
- C. xa xích đạo hơn.
- D. ở kinh độ nhỏ hơn.

Câu 28. Quá trình uốn khúc và đổi dòng của sông ở các vùng đồng bằng hình thành nên loại hồ nào sau đây?

- A. Hồ móng ngựa.
- B. Hồ băng hà.
- C. Hồ kiến tạo.
- D. Hồ nhân tạo.

Câu 29. Các loại gió nào sau đây có phạm vi địa phương?

- A. Gió đất, biển; gió phơn.
- B. Gió Tây ôn đới, gió phơn.
- C. Gió Mậu dịch; gió mùa.
- D. Gió Đông cực; gió đất, biển.

Câu 30. Trên bề mặt Trái Đất **không** có khối khí nào sau đây?

- A. Ôn đới lục địa.
- B. Chí tuyến lục địa.
- C. Xích đạo lục địa.
- D. Cực lục địa.

Câu 31. Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến sự thay đổi của khí áp?

- A. Hướng gió.
- B. Nhiệt độ.
- C. Độ cao.
- D. Độ ẩm.

Câu 32. Ngày Nước Thế giới hàng năm là

- A. 22/3.
- B. 23/3.
- C. 24/4.
- D. 21/1.

Câu 33. Nhân tố nào sau đây đóng vai trò trực tiếp trong việc hình thành đất?

- A. Khí hậu.
- B. Thời gian.
- C. Con người.
- D. Đá mẹ.

Câu 34. Đá macma được hình thành

- A. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.
- B. từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.
- C. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.
- D. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

Câu 35. Sông nằm trong khu vực ôn đới lạnh thường nhiều nước nhất vào các mùa

- A. đông và xuân.
- B. hạ và thu.
- C. xuân và hạ.
- D. thu và đông.

Câu 36. Để phù hợp với thời gian nơi đến, khi đi từ phía tây sang phía đông

qua kinh tuyến đôi ngày, cần

A. giữ nguyên lịch ngày đi.

C. lùi đi một ngày lịch,

B. giữ nguyên lịch ngày đến.

D. tăng thêm một ngày lịch.

Câu 37. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

A. chí tuyến.

B. xích đạo.

C. cực.

D. vòng cực.

Câu 38. Tại một dãy núi, thường có mưa nhiều ở

A. sườn núi cao.

B. sườn khuất gió.

C. sườn đón gió.

D. đỉnh núi cao.

Câu 39. Các dòng biển nóng thường có hướng chảy từ

A. vĩ độ cao về vĩ độ thấp.

B. bán cầu Nam lên Bắc.

C. bán cầu Bắc xuống Nam.

D. vĩ độ thấp lên vĩ độ cao.

Câu 40. Khu vực nào sau đây trong năm có từ 1 ngày đến 6 tháng luôn là toàn ngày?

A. Từ cực đến chí tuyến.

B. Từ Xích đạo đến chí tuyến.

C. Từ vòng cực đến cực.

D. Từ chí tuyến đến vòng cực.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Phân tích sự phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lí. Tại sao ở bán cầu Bắc nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở khu vực chí tuyến mà không phải ở khu vực xích đạo ?

Câu 2 (2 điểm): Cho bảng số liệu sau :

Địa điểm	Vĩ độ	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)
An-ta (Alta), Na Uy	$69^{\circ}58'\text{B}$	2,5
Mát-xcơ-va, Liên bang Nga	$55^{\circ}49'\text{B}$	7,3
Va-len-xi-a (Valencia), Tây Ban Nha	$37^{\circ}27'\text{B}$	17,5
Ma-ni-la (Manila), Phi-lip-pin	$14^{\circ}35'\text{B}$	26,5
Xin-ga-po (Singapore)	$1^{\circ}17'\text{B}$	28,3

a. Vẽ biểu đồ thể hiện nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm trên.

b. Nhận xét và giải thích sự khác nhau về nhiệt độ trung bình của các địa điểm trên.

Câu 3 (2 điểm): Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mực nước ngầm trên Trái Đất. Tại sao ở vùng hoang mạc, đất cát thấm nước tốt nhưng mực nước ngầm lại không phong phú ?

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT BẮC GIANG
CỤM THPT HUYỆN SƠN ĐỘNG

HDC THI CHỌN HSG VĂN HÓA CẤP CƠ SỞ
NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN THI: ĐỊA LÍ - LỚP 10

Ngày thi: 15/01/2023

Hướng dẫn chấm gồm 02 trang

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (14,0 điểm)

Đề câu	000	101	102
1	D	B	B
2	C	A	C
3	A	A	A
4	C	B	B
5	D	B	C
6	C	B	D
7	A	A	B
8	B	D	D
9	C	C	B
10	D	C	B
11	A	C	C

12	A	B	C
13	B	B	B
14	C	D	C
15	B	C	D
16	A	A	D
17	D	B	A
18	D	A	C
19	A	D	A
20	A	D	C
21	C	B	C
22	A	B	B
23	D	A	A
24	A	B	D
25	A	B	C
26	B	D	A
27	A	D	B
28	B	A	D
29	A	A	B
30	C	C	D
31	A	A	C
32	A	A	D
33	B	A	D
34	D	C	A
35	B	C	B
36	B	D	B
37	A	A	D
38	C	C	B
39	C	D	C
40	D	C	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1	a) Phân tích sự phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lí	
	- Càng lên vĩ độ cao, nhiệt độ trung bình năm càng nhỏ, do càng lên vĩ độ cao góc chiếu sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) càng nhỏ.	0,5
	- Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt năm càng lớn do càng lên vĩ độ cao chênh lệch góc chiếu sáng và chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm càng lớn.	0,5
	b) Ở bán cầu Bắc nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở khu vực chí tuyến chứ không phải ở khu vực xích đạo vì:	
	- Ở khu vực xích đạo có diện tích chủ yếu là đại dương, phần lục địa có diện tích rừng lớn.	0,5

	- Khu vực chí tuyến có diện tích lục địa lớn, áp cao chí tuyến thống trị (gió Mậu dịch hoạt động thổi từ lục địa ra nên tính chất khô, nóng).	0,5
2	a) Vẽ biểu đồ	
	- Chọn vẽ đúng biểu đồ cột (vẽ biểu đồ khác không cho điểm).	
	- Nếu học sinh vẽ đúng dạng biểu đồ nhưng không thật chính xác, thiếu chú thích, thiếu tên biểu đồ... thì mỗi lỗi trừ 0,25 điểm.	1,0
	b) Nhận xét và giải thích	
	- Nhìn vào bảng số liệu đề cho và biểu đồ đã vẽ, ta thấy nhiệt độ trung bình năm có sự khác nhau giữa các địa điểm: - Xin – ga – po nằm ở vĩ độ thấp nhất ($1^{\circ}17'B$) nhưng có nhiệt độ trung bình năm cao nhất $28,3^{\circ}C$. - An – ta nằm ở vĩ độ cao nhất ($69^{\circ}58'B$) nhưng có nhiệt độ trung bình năm thấp nhất $2,5^{\circ}C$.	0,25
	- Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ xích đạo về cực.	0,25
	- Ở vùng vĩ độ thấp, góc chiếu của tia sáng Mặt Trời với bề mặt Trái Đất lớn nên nhận được lượng bức xạ lớn, nhiệt độ cao. - Góc chiếu tia sáng của Mặt Trời với bề mặt Trái Đất giảm dần khi về cực, nên càng lên vĩ độ cao thì lượng bức xạ nhận được càng ít, nhiệt độ càng thấp.	0,25 0,25
3	a) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mực nước ngầm trên Trái Đất	
	- Mực nước ngầm phụ thuộc vào các nhân tố:	
	+ Nguồn cung cấp nước (nước mưa, nước băng, tuyết tan...) và lượng bốc hơi: Nguồn cung cấp nước dồi dào, lượng bốc hơi ít thì lượng nước ngầm sẽ lớn và ngược lại.	0,25
	+ Địa hình: Mặt đất dốc, nước mưa chảy nhanh nên thấm ít; mặt đất bằng phẳng, nước thấm nhiều.	0,25
	+ Cấu tạo của đất đá: Nếu kích thước các hạt đất đá lớn sẽ tạo thành khe hở rộng, nước thấm nhiều; ngược lại, hạt nhỏ tạo khe hở nhỏ, nước thấm ít.	0,25
	+ Lớp phủ thực vật: Ở nơi cây cỏ nhiều, nước theo thân cây và rễ cây thấm xuống nhiều hơn ở vùng cây cối ít.	0,25
	b) Tại vùng hoang mạc, đất cát thấm nước tốt nhưng mực nước ngầm không phong phú do:	
	- Nguồn cung cấp nước hạn chế: Phần lớn nước ngầm có nguồn gốc là nước trên mặt ngấm xuống, nhưng ở đây lượng mưa hạn chế (dưới 200 mm trong năm), hệ số dòng chảy nhỏ làm nguồn cung cấp nước thấp.	0,5
	- Nhiệt độ thường xuyên cao, lượng bốc hơi lớn.	0,25
	- Thảm thực vật nghèo nàn làm cân bằng ẩm luôn âm, lượng nước cung cấp cho nước ngầm ít.	0,25

Lưu ý khi chấm bài:

- Tổng điểm toàn bài là 20,0 điểm (không làm tròn số).
- Thí sinh làm bài theo cách khác nhưng vẫn đảm bảo được nội dung cần đạt thì vẫn được điểm tối đa của câu hỏi đó.
- Nếu bài làm thiếu, sai kiến thức cơ bản, vận dụng các kỹ năng địa lý và phương pháp làm bài hạn chế...thì tùy mức độ trừ điểm thích hợp.